

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2014**



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23







**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+130+140+150)	<b>100</b>		<b>66.772.907.261</b>	<b>68.222.264.117</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>9.257.230.802</b>	<b>10.871.651.958</b>
1. Tiền	111		730.564.135	344.985.291
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.526.666.667	10.526.666.667
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>39.027.480.667</b>	<b>39.840.807.553</b>
1. Phải thu khách hàng	131		38.097.261.462	35.929.107.035
2. Trả trước cho người bán	132		790.712.933	159.848.000
3. Các khoản phải thu khác	135		139.506.272	3.751.852.518
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>17.488.643.696</b>	<b>15.633.946.141</b>
1. Hàng tồn kho	141	<b>6</b>	17.488.643.696	15.633.946.141
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>999.552.096</b>	<b>1.875.858.465</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		680.263.831	1.092.166.401
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		222.763.465	735.854.064
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		96.524.800	47.838.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>42.635.770.409</b>	<b>48.886.407.235</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.997.530.877</b>	<b>45.389.193.519</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	40.665.847.300	45.275.420.042
- Nguyên giá	222		85.425.718.820	81.124.290.451
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(44.759.871.520)	(35.848.870.409)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	104.843.517
- Nguyên giá	228		389.242.000	389.242.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(389.242.000)	(284.398.483)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		331.683.577	8.929.960
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.638.239.532</b>	<b>3.497.213.716</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>8</b>	1.635.239.532	3.494.213.716
2. Tài sản dài hạn khác	268		3.000.000	3.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>109.408.677.670</b>	<b>117.108.671.352</b>

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>49.082.480.203</b>	<b>61.268.579.003</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>47.754.835.340</b>	<b>58.035.249.633</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	9	28.544.412.889	19.953.891.397
2. Phải trả người bán	312		10.317.666.820	12.002.993.987
3. Người mua trả tiền trước	313		961.449.100	413.407.200
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	572.753.412	1.592.174.292
5. Phải trả người lao động	315		4.787.767.024	3.735.409.896
6. Chi phí phải trả	316		1.251.582.175	1.672.073.518
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	695.052.722	15.174.115.875
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		624.151.198	3.491.183.468
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.327.644.863</b>	<b>3.233.329.370</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	12	1.125.866.779	3.053.298.732
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		21.747.446	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		180.030.638	180.030.638
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>60.326.197.467</b>	<b>55.840.092.349</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>60.326.197.467</b>	<b>55.840.092.349</b>
1. Vốn điều lệ	411	13	42.000.000.000	42.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413	13	4.702.789.696	1.917.981.648
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	13	1.268.792.529	4.053.600.577
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	13	1.990.527.409	1.990.527.409
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	13	10.364.087.833	5.877.982.715
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>109.408.677.670</b>	<b>117.108.671.352</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ các loại	USD	412	587

  
**Phạm Thị Thúy Hằng**  
 Người lập biểu

  
**Cao Vinh Hậu**  
 Kế toán trưởng



  
**Trần Anh Tú**  
 Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		228.494.154.060	187.198.361.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		39.373.576	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	228.454.780.484	187.198.361.313
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	15	190.702.469.172	153.831.840.738
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		37.752.311.312	33.366.520.575
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		687.222.454	1.029.238.991
7. Chi phí tài chính	22		2.331.454.934	1.492.631.642
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.289.370.801	1.449.106.997
8. Chi phí bán hàng	24		6.216.191.279	4.440.331.897
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.183.389.748	17.913.884.105
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		11.708.497.805	10.548.911.922
11. Thu nhập khác	31		70.194.635	1.602.129.737
12. Chi phí khác	32		37.610.394	80.477.335
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		32.584.241	1.521.652.402
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.741.082.046	12.070.564.324
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	1.563.614.128	2.299.110.731
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		10.177.467.918	9.771.453.593
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.423	2.327


Phạm Thị Thúy Hằng  
Người lập biểu

Cao Vĩnh Hậu  
Kế toán trưởngTrần Anh Tú  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>11.741.082.046</b>	<b>12.070.564.324</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.015.844.628	9.207.016.769
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(40.295.589)	(4.621.885)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(596.881.585)	(969.841.788)
Chi phí lãi vay	06	2.289.370.801	1.449.106.997
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>22.409.120.301</b>	<b>21.752.224.417</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.388.460.520	(11.494.601.076)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.854.697.555)	(6.137.560.721)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(14.629.433.769)	19.762.658.734
Thay đổi chi phí trả trước	12	2.270.876.754	67.097.290
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.375.374.546)	(2.043.874.664)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.302.342.529)	(1.752.682.703)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	4.350.007.873	7.124.268.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(7.206.827.343)	(5.744.309.391)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.049.789.706</b>	<b>21.533.219.886</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(4.624.181.986)	(19.489.853.064)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	596.881.585	997.706.566
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(4.027.300.401)</b>	<b>(18.492.146.498)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	108.708.381.438	61.158.295.317
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(102.045.291.899)	(54.365.781.813)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.300.000.000)	(6.475.260.121)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>363.089.539</b>	<b>317.253.383</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(1.614.421.156)</b>	<b>3.358.326.771</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>10.871.651.958</b>	<b>7.513.325.187</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>9.257.230.802</b>	<b>10.871.651.958</b>


Phạm Thị Thúy Hằng  
Người lập biểu

Cao Vĩnh Hậu  
Kế toán trưởng

Trần Anh Tú  
Giám đốc

Ngày 25 tháng 02 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



## **CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

#### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

##### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (gọi tắt là “Công ty”), là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315, đăng ký lần đầu ngày 19 tháng 5 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và Giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần 02 ngày 04 tháng 7 năm 2012.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 395 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 350).

##### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Sản xuất các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán các sản phẩm bao bì PP, PK, PE; Mua bán phân bón các loại; Mua bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì, nhựa PP; Kinh doanh vật liệu xây dựng; Mua bán hàng điện tử; Mua bán nhiên liệu động cơ; Vận tải bằng ô tô; Mua bán vật tư thiết bị ngành công nghiệp; Mua bán giấy vớ, bì các tông, văn phòng phẩm; Cho thuê kho bãi.

#### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

##### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

##### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>2014</b>
	<b>Năm</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 05

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm vi tính và hệ thống mạng được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm vi tính và hệ thống mạng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời gian hữu dụng ước tính là 03 năm.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí lợi thế thương mại và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí lợi thế thương mại phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, được ghi nhận theo số liệu chứng thư Thẩm định giá số 7332002/AREV-HCM của Công ty TNHH MTV Thẩm định Địa ốc Á Châu và Biên bản làm việc số 05/BB-LV ngày 06 tháng 3 năm 2008 giữa Công ty TNHH Hương Phong và Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần với số tiền 7.965.093.526 đồng. Chi phí lợi thế kinh doanh được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 7 năm kể từ năm 2008.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và các chi phí trả trước dài hạn khác. Giá trị công cụ, dụng cụ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Công ty được chuyển giao dự án đầu tư của Công ty TNHH Hương Phong nên Công ty được thừa hưởng các ưu đãi về thuế từ dự án này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoàn thành và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2004) và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo và có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho những năm tiếp theo. Năm 2014 là năm thứ bảy Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	178.174.161	11.695.627
Tiền gửi ngân hàng	552.389.974	333.289.664
Các khoản tương đương tiền (*)	8.526.666.667	10.526.666.667
	<b>9.257.230.802</b>	<b>10.871.651.958</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất 5,2%/năm.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 9, Công ty đã thế chấp số dư tiền mặt, tiền gửi/sổ tiết kiệm mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	6.828.796.716	4.823.761.328
Công cụ dụng cụ	135.671.313	88.531.013
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.604.701.157	8.163.163.727
Thành phẩm	2.904.346.061	2.543.910.493
Hàng hóa	15.128.449	14.579.580
<b>Cộng</b>	<b>17.488.643.696</b>	<b>15.633.946.141</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>17.488.643.696</b>	<b>15.633.946.141</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	28.225.041.437	51.369.042.007	1.400.728.931	129.478.076	81.124.290.451
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	3.057.371.911	-	-	3.057.371.911
Tăng khác	92.187.700	1.151.868.758	-	-	1.244.056.458
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>28.317.229.137</b>	<b>55.578.282.676</b>	<b>1.400.728.931</b>	<b>129.478.076</b>	<b>85.425.718.820</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	6.721.323.737	28.300.799.557	710.859.926	115.887.189	35.848.870.409
Khấu hao trong năm	2.030.750.826	6.669.345.189	197.314.209	13.590.887	8.911.001.111
<b>Tại ngày 31/12/2014</b>	<b>8.752.074.563</b>	<b>34.970.144.746</b>	<b>908.174.135</b>	<b>129.478.076</b>	<b>44.759.871.520</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	<b>19.565.154.574</b>	<b>20.608.137.930</b>	<b>492.554.796</b>	<b>-</b>	<b>40.665.847.300</b>
Tại ngày 31/12/2013	<b>21.503.717.700</b>	<b>23.068.242.450</b>	<b>689.869.005</b>	<b>13.590.887</b>	<b>45.275.420.042</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.943.781.553 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.783.206.598 đồng).

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 9 và số 12, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1 để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu.

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi thế thương mại (*)	572.052.708	1.706.805.756
Công cụ dụng cụ phân bổ	1.063.186.824	1.787.407.960
	<b>1.635.239.532</b>	<b>3.494.213.716</b>

(\*) Lợi thế thương mại phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa, được ghi nhận theo số liệu chứng thư Thẩm định giá số 7332002/AREV-HCM của Công ty TNHH MTV Thẩm định Địa ốc Á Châu và Biên bản làm việc số 05/BB-LV ngày 06 tháng 3 năm 2008 giữa Công ty TNHH Hương Phong và Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần. Lợi thế thương mại được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian 7 năm kể từ năm 2008.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vũng Tàu	21.455.796.223	16.587.977.180
- VND	19.307.390.359	16.587.977.180
- USD	2.148.405.864	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Vũng Tàu	5.308.574.700	1.557.998.400
Vay dài hạn đến hạn trả	1.780.041.966	1.807.915.817
<i>Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam</i>	1.115.831.634	1.807.915.817
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vũng Tàu</i>	664.210.332	-
	<b>28.544.412.889</b>	<b>19.953.891.397</b>

Vay ngắn hạn bao gồm:

- Khoản vay bằng đồng Việt Nam từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 2012/DMPP\_HĐHM và Phụ lục số PL06- 2012/ĐPM-HĐHM ngày 25 tháng 4 năm 2014 với hạn mức vay là 45 tỷ đồng trong đó doanh số cho vay tối đa (trong 12 tháng) bằng USD là 1.080.000 USD, thời hạn rút vốn đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015, lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại ngày rút vốn theo lãi suất công bố của Ngân hàng. Khoản vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động và được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ tại khu công nghiệp Phú Mỹ 1. Số dư khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 19.307.390.359 đồng và 100.440,74 USD tương đương 2.148.405.864 đồng.
- Khoản vay bằng đồng Việt Nam từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng số 188/2014/HĐHM/CMB-HCM ngày 29 tháng 5 năm 2014 với hạn mức vay là 15 tỷ đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được xác định và ghi trên giấy nhận nợ tại từng thời điểm rút vốn. Khoản vay được đảm bảo bằng tiền mặt/tiền gửi/sổ tiết kiệm của công ty mở tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Số dư khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 5.308.574.700 đồng.

**10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	512.251.932	1.250.980.333
Thuế thu nhập cá nhân	35.679.121	341.193.959
Thuế nhà thầu	24.822.359	-
	<b>572.753.412</b>	<b>1.592.174.292</b>

**11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhập nguyên vật liệu chưa nhận nợ Ngân hàng	-	12.225.522.400
Kinh phí công đoàn	284.194.399	201.957.884
Các khoản phải trả, phải nộp khác	318.495.100	2.746.635.591
Hàng về nhập kho chưa có hóa đơn	92.363.223	-
	<b>695.052.722</b>	<b>15.174.115.875</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2013</u> <u>VND</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Vũng Tàu	1.660.525.830	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.245.382.915	4.861.214.549
	<b>2.905.908.745</b>	<b>4.861.214.549</b>
Trừ: Nợ dài hạn đến hạn trả (trình bày tại Thuyết minh số 9)	1.780.041.966	1.807.915.817
	<b>1.125.866.779</b>	<b>3.053.298.732</b>

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01-2014/HĐTD/ BBĐPM ngày 08 tháng 4 năm 2014 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu có hạn mức cho vay tương đương 94.370,40 USD, thời hạn cho vay là 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, mục đích cho vay để mua sắm máy móc thiết bị. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất cho vay trung hạn theo thông báo lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu tại thời điểm nhận nợ và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu; tiền lãi phải trả từ ngày 26 đến ngày 30 hàng tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ máy móc, thiết bị, nhà xưởng, vật kiến trúc trên đất của Công ty tại Khu công nghiệp Phú Mỹ I. Số dư khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.660.525.830 đồng.

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 2011/HĐTD-DPMP-CNSG với Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam là khoản vay không có tài sản đảm bảo, mức dư nợ tối đa là 25.310.821.434 đồng, thời hạn hiệu lực của hợp đồng là 7 năm kể từ ngày ký; lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tiền gửi tổ chức kinh tế bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh + 1%/năm. Số dư của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.245.382.915 đồng.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>	<u>31/12/2013</u> <u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.780.041.966	1.807.915.817
Trong năm thứ hai	793.761.613	3.053.298.732
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	332.105.166	-
Sau năm năm	-	-
	<b>2.905.908.745</b>	<b>4.861.214.549</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.780.041.966	1.807.915.817
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>1.125.866.779</b>	<b>3.053.298.732</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VND	Vốn khác thuộc chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Tại ngày 01/01/2013	42.000.000.000	1.917.981.648	2.587.882.538	1.501.954.729	5.925.522.521
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.771.453.593
Trích quỹ	-	-	1.465.718.039	488.572.680	(1.954.290.719)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.389.442.559)
Trả cổ tức	-	-	-	-	(6.475.260.121)
Tại ngày 31/12/2013	42.000.000.000	1.917.981.648	4.053.600.577	1.990.527.409	5.877.982.715
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	10.177.467.918
Trả cổ tức (*)	-	-	-	-	(5.750.262.400)
Tặng khác	-	-	-	-	58.899.600
Kết chuyển nguồn đầu tư tài sản cố định	-	2.784.808.048	(2.784.808.048)	-	-
Tại ngày 31/12/2014	42.000.000.000	4.702.789.696	1.268.792.529	1.990.527.409	10.364.087.833

(\*) Tại ngày 10 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị Công ty công bố chia một phần lợi nhuận chưa phân phối của Công ty với số tiền là 5.750.262.400 đồng (năm 2013: 6.475.260.121 đồng). Trong năm, số lợi nhuận trên đã được thanh toán cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần, Công ty TNHH Hương Phong và ông Võ Ngọc Chuyên.

**Cổ phiếu**

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.200.000	4.200.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.200.000	4.200.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500874315 ngày 19 tháng 5 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 02 ngày 04 tháng 7 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, vốn điều lệ của Công ty là 42.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp đến ngày 31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	21.410.000.000	50,98	21.410.000.000	50,98
Công ty TNHH Hương Phong	20.580.000.000	49,00	20.580.000.000	49,00
Ông Võ Ngọc Chuyên	10.000.000	0,02	10.000.000	0,02
	<b>42.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>42.000.000.000</b>	<b>100</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Doanh thu bán hàng	208.213.748.198	184.907.784.926
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.361.061.772	1.433.075.319
Doanh thu khác	919.344.090	857.501.068
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>228.494.154.060</b>	<b>187.198.361.313</b>
Giảm giá hàng bán	(39.373.576)	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>228.454.780.484</b>	<b>187.198.361.313</b>

**15. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng bán	170.702.122.532	151.669.608.788
Giá vốn dịch vụ cung cấp	19.081.002.549	1.325.262.882
Giá vốn khác	919.344.091	836.969.068
	<b>190.702.469.172</b>	<b>153.831.840.738</b>

**16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.434.380.691	118.519.457.632
Chi phí nhân công	32.308.278.527	27.734.789.770
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.015.844.628	9.207.016.769
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.528.486.078	20.392.061.922
Chi phí khác	5.063.912.813	5.084.630.685
	<b>214.350.902.737</b>	<b>180.937.956.778</b>

**17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>11.741.082.046</b>	<b>12.070.564.324</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.430.363.442	1.502.594.730
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>13.171.445.488</b>	<b>13.573.159.054</b>
Thu nhập từ hoạt động được ưu đãi	12.128.217.082	8.753.432.264
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh khác	1.043.228.406	4.819.726.790
Thuế suất	22%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>2.897.718.007</b>	<b>3.393.289.764</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (*)	1.334.103.879	1.094.179.033
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.563.614.128</b>	<b>2.299.110.731</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (Tiếp theo)**

(\*) Công ty được chuyển giao dự án đầu tư của Công ty TNHH Hương Phong nên Công ty được thừa hưởng các ưu đãi về thuế từ dự án này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án hoàn thành và bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2004) và được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 7 năm tiếp theo và có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% cho những năm tiếp theo. Năm 2014 là năm thứ bảy Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

**18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.851.928.965	1.470.000.000

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

**Thời gian cam kết**

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.763.850.000	1.739.512.500
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	8.819.250.000	6.958.050.000

Chi phí thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê Công ty phải trả cho việc thuê 50.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với giá thuê hàng năm là 70.000 USD/năm. Đơn giá đã được thay đổi theo Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 01 tháng 4 năm 2013, theo đó kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2013 đơn giá thuê đất là 1,65 USD/m<sup>2</sup> tương đương với 82.500 USD/năm. Hợp đồng thuê có thời hạn 40 năm kể từ ngày 20 tháng 5 năm 2008.

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 và số Thuyết minh số 12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Các khoản vay	29.670.279.668	23.007.190.129
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>9.257.230.802</u>	<u>10.871.651.958</u>
Nợ thuần	20.413.048.866	12.135.538.171
Vốn chủ sở hữu	<u>60.326.197.467</u>	<u>55.840.092.349</u>
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,34</u></b>	<b><u>0,22</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ ở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.257.230.802	10.871.651.958
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.236.767.734	39.680.959.553
Tài sản tài chính khác	96.524.800	47.838.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.590.523.336</b>	<b>50.600.449.511</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	29.670.279.668	23.007.190.129
Phải trả người bán và phải trả khác	10.728.525.143	26.975.151.978
Chi phí phải trả	1.251.582.175	1.672.073.518
<b>Tổng cộng</b>	<b>41.650.386.986</b>	<b>51.654.415.625</b>

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	4.516.585.345	7.197.852.491



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam giảm 2% so với đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ tăng các khoản tương ứng như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đô la Mỹ (USD)	90.331.707	143.957.050

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 593.405.593 đồng (năm 2013: 460.143.803 đồng).

	<b>Tăng/(Giảm)</b>	<b>Ảnh hưởng</b>
	<b>số điểm cơ bản</b>	<b>đến lợi nhuận trước</b>
		<b>thuế</b>
		<b>VND</b>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	200	(593.405.593)
VND	(200)	593.405.593
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	(460.143.803)
VND	(200)	460.143.803

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.257.230.802	-	9.257.230.802
Phải thu khách hàng và phải thu khác	38.236.767.734	-	38.236.767.734
Tài sản tài chính khác	96.524.800	-	96.524.800
<b>Tổng cộng</b>	<b>47.590.523.336</b>	<b>-</b>	<b>47.590.523.336</b>
31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	10.728.525.143	-	10.728.525.143
Chi phí phải trả	1.251.582.175	-	1.251.582.175
Các khoản vay	28.544.412.889	1.125.866.779	29.670.279.668
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.524.520.207</b>	<b>1.125.866.779</b>	<b>41.650.386.986</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>7.066.003.129</b>	<b>(1.125.866.779)</b>	<b>5.940.136.350</b>
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.871.651.958	-	10.871.651.958
Phải thu khách hàng và phải thu khác	39.680.959.553	-	39.680.959.553
Tài sản tài chính khác	47.838.000	-	47.838.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.600.449.511</b>	<b>-</b>	<b>50.600.449.511</b>
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	26.975.151.978	-	26.975.151.978
Chi phí phải trả	1.672.073.518	-	1.672.073.518
Các khoản vay	19.953.891.397	3.053.298.732	23.007.190.129
<b>Tổng cộng</b>	<b>48.601.116.893</b>	<b>3.053.298.732</b>	<b>51.654.415.625</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.999.332.618</b>	<b>(3.053.298.732)</b>	<b>(1.053.966.114)</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể có đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên hệ</b>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty TNHH Hương Phong	Công ty mẹ Công ty góp vốn
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	Công ty con cùng Tổng công ty
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Đơn vị phụ thuộc Công ty mẹ

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng hóa</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty TNHH Hương Phong	56.937.860	-
	731.550.000	1.583.340.000
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	818.715.700	1.484.732.697
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	54.771.810.388	49.658.611.820
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	18.194.303.130	19.853.117.380
Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	87.700.000	3.985.396.220
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	313.560.000	-
<b>Vay</b>		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần dầu khí Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.245.382.915	4.861.214.549
<b>Chi trả cổ tức trong năm</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty TNHH Hương Phong	3.211.500.000	3.020.605.647
	3.087.000.000	3.172.873.539

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư chủ yếu của Công ty với các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	3.914.556.000	4.341.106.462
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.835.945.100	4.119.722.200
<b>Các khoản phải trả</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần Công ty TNHH Hương Phong	19.718.727	14.033.628
	331.815.000	-
<b>Vay dài hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.245.382.915	4.861.214.549



**CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ ĐẠM PHÚ MỸ**

Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, đường 1B, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành  
 Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	1.393.203.538	2.081.726.140

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

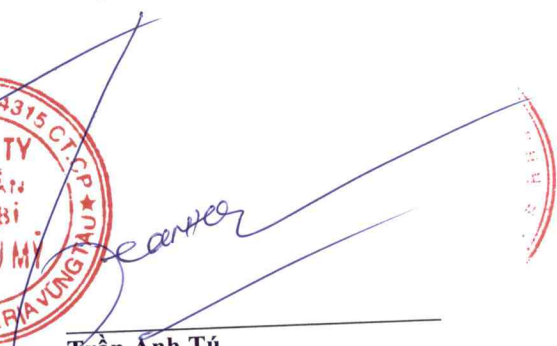


**Phạm Thị Thúy Hằng**  
 Người lập biểu

Ngày 25 tháng 02 năm 2015



**Cao Vĩnh Hậu**  
 Kế toán trưởng

**Trần Anh Tú**  
 Giám đốc

